

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 01 - 2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa chị H và anh M

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quách Hà Vinh

2. Ông Lưu Đình Tâm

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên toà số 60/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H; sinh năm: 1989; nơi cư trú: Thôn Định Thành, xã Thành Trục, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Hữu M; sinh năm: 1985; nơi cư trú: Thôn Định Thành, xã Thành Trục, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà có mặt chị Hồng, vắng mặt anh M. Anh M vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/10/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Hữu M kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 02/12/2008 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND)

xã Thành Kim (nay là thị trấn Kim Tân), huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm. Anh M thường xuyên đánh đập và chửi bới chị. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng vẫn không được. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Phúc B, sinh ngày 21/6/2009. Nếu ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập họp lệ anh Phạm Hữu M đến Toà án để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị H nhưng anh M không có mặt nên không có lời khai của anh M và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Tại phiên tòa anh M đã được tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Phạm Hữu M không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh M theo quy định tại khoản 3 điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

Anh M đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh M đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Toà án cũng đã triệu tập họp lệ anh M lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng anh M vẫn không có mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt anh M.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Hữu M kết hôn trên cơ sở

tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/12/2008 tại UBND xã Thành Kim (nay là thị trấn Kim Tân), huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, vấn đề này cũng đã được UBND xã Thành Trục xác nhận. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh M lên làm việc để anh M được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng anh M đều không có mặt, thể hiện anh M không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ chị H, anh M đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh M.

[3] Về con cái: Chị H và anh M có 01 con chung là cháu Phạm Phúc B, sinh ngày 21/6/2009. Xét thấy, hiện tại cháu đang ở với chị H, cháu có nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của chị H, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Chị H không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Hữu M.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Phúc B, sinh ngày 21/6/2009 cho chị Hồng trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh M có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của người chưa thành niên. Anh M, chị H có quyền thay đổi nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu và chứng cứ hợp pháp.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2016/0003823 ngày 11/10/2019. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H, vắng mặt anh M. Chị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND TT Kim Tân;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Lê Văn Quân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Quách Hà Vinh

Lưu Đình Tâm

Lê Văn Quân

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND TT Kim Tân;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Quân